TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 315 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 12 – 2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Luyện.
- Ông Nguyễn Văn Đương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 260/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc V. Sinh năm 199x. Địa chỉ phòng A chung cư hợp tác xã TĐ, khối C, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Đào Công Đ. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm HSK, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc V và ông Đào Công Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn 24/5/201x tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm năm 2022. Từ tháng 01/2023 đến nay hai người sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông Đào Công Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Đến nay bà Trần Ngọc V thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Trần Ngọc V được ly hôn ông Đào Công Đ

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Trần Ngọc V và ông Đào Công Đ có 04 con chung là Đào Ngọc Thiên Th – sinh ngày 24/6/201x, Đào Ngọc H – sinh ngày 27/3/201,x Đào Trọng Ngh – sinh ngày 04/4/201x, Đào Ngọc Thiên Th1 – sinh ngày 23/10/202x. Ly hôn thì bà Trần Ngọc V đề nghị Tòa án giao 04 (Bốn) con chung cho bà Trần Ngọc V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Trần Ngọc V yêu cầu ông Đào Công Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng/04 con chung/01 tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Ngọc V không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày ý kiến như sau: Ông Đào Công Đ đồng ý với ý kiến trình bày của bà Trần Ngọc V về thời gian đăng ký kết hôn, con chung. Theo ông Đào Công Đ nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống trong gia đình. Ông Đào Công Đ thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên không đồng ý ly hôn với bà Trần Ngọc V.

- Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc V thì ông Đào Công Đ đề nghị giao 04 (Bốn) con chung cho bà Trần Ngọc V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Đào Công Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Trần Ngọc V với số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng/01 con chung/01 tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đào Công Đ không yêu cầu Toà án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại phiên toà và tại phần tranh luận: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 71, 72, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà Trần Ngọc V được ly hôn ông Đào Công Đ.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Đào Ngọc Thiên Th – sinh ngày 24/6/201x, Đào Ngọc H – sinh ngày 27/3/201x, Đào Trọng Ngh – sinh ngày 04/4/201x, Đào Ngọc Thiên Th1 – sinh ngày 23/10/202x cho bà Trần Ngọc V quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc ông Đào Công Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Trần Ngọc V với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/01 con chung/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Trần Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và buộc ông Đào Công Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Đào Công Đ có địa chỉ tại xóm HSK, xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Bà Trần Ngọc V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ, việc vắng mặt của bị đơn tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn ghi ngày 24/5/201x của Ủy ban nhân dân xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Trần Ngọc V và ông Đào Công Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 24/5/201x tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; việc kết hôn giữa ông Đào Công Đ, bà Trần Ngọc V là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, do đó hôn nhân giữa ông Đào Công Đ và bà Trần Ngọc V là hợp pháp.

Căn cứ vào ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng ông Đào Công Đ và bà Trần Ngọc V sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không người nào có biện pháp để gìn giữ hạnh phúc gia đình, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà Trần Ngọc V, giải quyết cho bà Trần Ngọc V được ly hôn ông Đào Công Đ.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Đào Công Đ và bà Trần Ngọc V có 04 (Bốn) con chung là Đào Ngọc Thiên Th – sinh ngày 24/6/201x, Đào Ngọc H – sinh ngày 27/3/201x, Đào Trọng Ngh – sinh ngày 04/4/201x, Đào Ngọc Thiên Th1 – sinh ngày 23/10/202x. Nguyên đơn, bị đơn đều có ý kiến giao 04 (Bốn) con chung cho bà Trần Ngọc V chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng ông Đào Công Đ hiện nay đang ở nước ngoài nên không có thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Trong khi hiện nay các con chung đều đang sinh sống cùng bà Trần Ngọc V và các con đều có nguyện vọng được sống cùng bà Trần Ngọc V. Do đó vì quyền lợi và sự phát triển lâu dài của các con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là Đào Ngọc

Thiên Th, Đào Ngọc H, Đào Trọng Ngh, Đào Ngọc Thiên Th1 cho bà Trần Ngọc V chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bà Trần Ngọc V về việc buộc ông Đào Công Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ và cần được xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn là lao động tự do và không chứng minh được mức thu nhập hàng tháng là bao nhiêu, do đó Hội đồng xét xử căn cứ mức thu nhập bình quân đối với lao động tự do trên địa bàn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng/ngày làm căn cứ và buộc ông Đào Công Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Trần Ngọc V với số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/01 con chung/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đào Công Đ, bà Trần Ngọc V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và ông Đào Công Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Ngọc V được ly hôn ông Đào Công Đ.

2. Về con chung: Giao các con chung chưa thành niên là Đào Ngọc Thiên Th – sinh ngày 24/6/201x, Đào Ngọc H – sinh ngày 27/3/201x, Đào Trọng Ngh – sinh ngày 04/4/201x, Đào Ngọc Thiên Th1 – sinh ngày 23/10/202x cho bà Trần Ngọc V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc ông Đào Công Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên cùng bà Trần Ngọc V với số tiền 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng/01 (Một) con chung/01 (Một) tháng, kể từ tháng 12 năm 2023.

Bà Trần Ngọc V được quyền nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên từ ông Đào Công Đ với số tiền 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng/01 (Một) con chung/01 (Một) tháng, kể từ tháng 12 năm 2023.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bà Trần Ngọc V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nạp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009261 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Buộc ông Đào Công Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Ngọc V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Đào Công Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà